

Số: 47/KL-TTr

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 5 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
việc thực hiện các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh
bảo hiểm Y tế đối với Phòng khám đa khoa 115 Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTr ngày 22/03/2024 của Chánh Thanh tra Sở Y tế Thanh Hóa về việc thanh tra thực hiện các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Phòng khám đa khoa 115 Hà Nội. Từ ngày 03/4/2024 đến 02/5/2024, Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra tại phòng khám. Căn cứ Báo cáo ngày 13/5/2024 của Đoàn thanh tra, giải trình của cơ sở được thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Y tế kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Phòng khám đa khoa 115 Hà Nội trực thuộc Công ty TNHH MTV Y tế Đức Chính, địa chỉ thôn Quảng Yên, xã Quảng Thạch, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi chung là phòng khám). Giấy phép hoạt động số 927/TH-GPHĐ do Sở Y tế Thanh Hóa cấp ngày 26/10/2020. Phân hạng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tương đương tuyến 3 công lập. Sở Y tế phối hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội đã thẩm định đủ điều kiện để đăng ký KCB ban đầu, được cơ quan BHXH ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) từ 01/7/2021, góp phần thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh (KCB) cho đối tượng người dân có thẻ BHYT trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Về điều kiện tổ chức khám bệnh, chữa bệnh BHYT

1.1. Hồ sơ pháp lý

- Giấy phép hoạt động số 927/TH-GPHĐ do Sở Y tế Thanh Hóa cấp ngày 26/10/2020. Phạm vi hoạt động chuyên môn tại Quyết định số 1012/QĐ-SYT ngày 27/10/2020 của Sở Y tế Thanh Hóa bao gồm 119 kỹ thuật của các chuyên khoa: Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm. Ngày 05/6/2023, Sở Y tế ban hành Quyết định số 338/QĐ-SYT thu hồi phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên khoa Nhi. Ngày 09/9/2023, Sở Y tế ban hành Quyết định số 537/QĐ-SYT điều chỉnh bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên khoa Nhi và Răng hàm mặt.

- Hồ sơ xử lý rác thải y tế có các Hợp đồng số 221/2022/HĐKT ký với BVĐK huyện Thạch Thành; số 01/HĐKT/2023/DUCCHINH&NSEC ký với Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn; số 03/2024/HĐKT ký với Công ty TNHH Xuân Lâm. Giấy phép an toàn bức xạ số 2143/GP-SKHCHN ngày 06/12/2023 do Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa cấp. Phòng cháy, chữa cháy (PCCC): có hồ sơ PCCC, phương án PCCC, có dụng cụ, phương tiện để PCCC.

1.2. Cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị y tế

- Cơ sở vật chất: Nhà cấp 4, tổng diện tích cơ sở khám chữa bệnh: 862 m², tổng diện tích sàn: 343 m² bố trí gồm: Khu đón tiếp, phòng khám Răng hàm mặt, phòng cấp cứu, phòng khám Nhi, phòng khám Nội, phòng khám Ngoại, phòng Xét nghiệm, phòng X-Quang, phòng bó bột, phòng lưu bệnh nhân, phòng thủ thuật, phòng Siêu âm, Kho cấp phát thuốc.

- Thiết bị y tế: Phòng khám có hệ thống trang thiết bị y tế như: Máy siêu âm màu 4D, máy xét nghiệm sinh hoá tự động và bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu, máy xét nghiệm huyết học, máy điện tim, máy chụp X-Quang, ghế Răng... Các trang thiết bị có hợp đồng mua bán; có đầy giấy chứng nhận CO,CQ. Hệ thống trang thiết bị đảm bảo thực hiện các dịch vụ kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về nhân lực: Theo phòng khám báo cáo trong thời gian từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, tổng số nhân lực làm chuyên môn 17 người, trong đó có 08 bác sĩ. Từ ngày 19/12/2022, phòng khám bổ sung nhân lực chuyên môn bác sỹ Lê Văn Tạo, số CCHN 1359/TH-CCHN, cấp ngày 25/10/2012, phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Nội nhi thông thường. Thời điểm kiểm tra ngày 03/4/2024, tại phòng khám có 08 bác sĩ đang làm việc; nhân lực cơ bản đáp ứng đúng chuyên khoa; các vị trí làm chuyên môn đều có chứng chỉ hành nghề, vị trí làm việc phù hợp chuyên môn ghi trong chứng chỉ hành nghề. Khi thay đổi nhân lực phòng khám đã thông báo về Sở Y tế.

Tồn tại

- Cơ sở vật chất cũ, chưa gọn gàng ngăn nắp.

- Phòng xét nghiệm có diện tích 14 m² hiện tại phòng khám đang thực hiện xét nghiệm huyết học, sinh hóa, nước tiểu; Bề mặt tường Phòng xét nghiệm chưa sử dụng vật liệu không thấm nước đến sát trần nhà quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 53 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Phòng khám không lưu các Biên bản thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh; Biên bản thẩm định cấp điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khi thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn; Biên bản đánh giá điều kiện khám bệnh, chữa bệnh BHYT cho năm 2023.

1.3. Quy trình khám chữa bệnh BHYT

- Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Phòng khám đã đề nghị Sở Y tế thẩm định, ra Quyết định phê duyệt tổng số 287 danh mục kỹ thuật tại các Quyết định số 1012/QĐ-SYT ngày 27/10/2020, Quyết định số 1334/QĐ-SYT ngày 30/12/2021, Quyết định số 537/QĐ-SYT ngày 09/9/2023. Các kỹ thuật đang thực hiện tại phòng khám nằm trong danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh: Phòng khám sử dụng phần mềm Minh Lộ 4.0 cho việc thanh toán dữ liệu khám chữa bệnh của người bệnh khám BHYT, mạng LAN nội bộ kết nối các bộ phận, kết nối liên

thông gửi dữ liệu KCB BHYT theo quyết định 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ Y tế.

Tồn tại

- Phần mềm KCB BHYT tại phòng khám chưa thực hiện được việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID để thực hiện KCB BHYT.

2. Việc cung ứng và sử dụng thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán sử dụng cho khám chữa bệnh BHYT:

- Phòng khám chưa xây dựng danh mục thuốc hằng năm.
 - Hằng năm, dựa vào kết quả trúng thầu tập trung tại Sở Y tế, phòng khám tự tổ chức mua sắm các mặt hàng thuốc; mua VTYT, HCXN và SPCĐ phù hợp với kinh phí và nhu cầu điều trị của phòng khám theo hình thức kí hợp đồng mua sắm trực tiếp với các nhà cung ứng.
 - Phòng khám giao cho bộ phận các phòng Xét nghiệm, siêu âm, Xquang, Răng hàm mặt, Dược làm xuất nhập tồn hàng quý báo cáo kế toán nhập hóa chất, vật tư, thuốc đảm bảo đủ số lượng, chất lượng cho việc khám chữa bệnh.
 - Năm 2023, Phòng khám ký hợp đồng với 04 nhà cung ứng thuốc là Công ty TNHH Dược phẩm Hàm Rồng, Công ty TNHH Dược Vật Tư Y tế NOVA, Công ty TNHH Dược phẩm Trọng Tín, Công ty TNHH Thương mại dược phẩm Quang Trung. Thuốc, VTYT, HCXN và SPCĐ cơ sở đã nhập năm 2023 đều có hóa đơn, chứng từ đầy đủ.
- * Số liệu xuất – nhập thuốc, vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán năm 2023.

TT	Diễn giải	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I. Thuốc					
1	Quý I/2023	275,421,987	144,280,980	237,368,878	182,334,089
2	Quý II/2023	182,334,089	185,743,250	284,401,366	83,675,973
3	Quý III/2023	83,675,973	306,890,360	295,046,134	95,520,199
4	Quý IV/2023	95,520,199	294,279,040	335,488,043	54,311,196
	Tổng:	636,952,248	931,193,630	1,152,304,421	415,841,457
II. VTYT, HCXN					
1	Quý I/2023	59,892,908	71,455,978	70,215,546	55,560,840
2	Quý II/2023	55,560,840	85,605,000	82,824,131	58,344,011
3	Quý III/2023	58,344,011	109,411,445	79,523,576	88,232,114
4	Quý IV/2023	88,232,114	84,254,394	86,185,119	76,051,273
	Tổng:	262,029,873	350,726,817	318,748,372	278,188,238
III. Vật tư RHM					
1	Quý I/2023	0	0	0	0
2	Quý II/2023	0	0	0	0
3	Quý III/2023	0	8,492,600	600,100	7,892,500
4	Quý IV/2023	7,892,500	12,644,250	5,503,195	5,969,805
	Tổng:	7,892,500	21,136,850	6,103,295	13,862,305

- Phòng khám bố trí 01 kho cấp thuốc BHYT do Dược sỹ cao đẳng phụ trách.

- Thuốc của các nhà cung ứng cung cấp nhập trực tiếp vào kho cấp phát thuốc BHYT của phòng khám; được quản lý bằng phần mềm có theo dõi tên thuốc, số lô, hạn dùng ... HCCN, VTYT nhập về và chuyển cho bộ phận Xét nghiệm lưu giữ tại Tủ bảo quản nhiệt độ và tủ vật tư tại bộ phận xét nghiệm.

- Việc cấp thuốc cho bệnh nhân BHYT: Bệnh nhân sau khi hoàn thành quy trình khám bệnh, căn cứ đơn thuốc được ghi trong sổ khám bệnh của bệnh nhân, nhân viên kho thuốc cấp thuốc cho bệnh nhân. Bệnh nhân ký xác nhận vào Bảng kê thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Tồn tại:

- Phòng khám chưa thực hiện kiểm nhập thuốc;
- Tại phòng Xét nghiệm chưa mở sổ theo dõi nhập - xuất, tồn HCCN; chưa có nhiệt kế, ẩm kế tự ghi để theo dõi nhiệt độ và độ ẩm tại nơi bảo quản;
- Chưa có khu vực tiêng để bảo quản VTYT;
- Tại kho thuốc BHYT: bố trí cùng khu vực đón tiếp và thanh toán viện phí; chưa ban hành nội quy kho; chưa có bảng biên phân loại thuốc theo nhóm tác dụng dược lý;
- Kiểm tra ngẫu nhiên số lượng tồn một số thuốc như Doncef 500mg, Moxacin 500mg, Vigentin gói 250/31,25mg số liệu thuốc tồn kho thực tế và trên hệ thống phần mềm quản lý chưa khớp nhau;
- Chưa thực hiện thực hành tốt bảo quản thuốc theo quy định tại Thông tư 36/2019/TT-BYT.

3. Việc thực hiện Hợp đồng KCB bảo hiểm y tế:

3.1. Công tác ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng bảo hiểm y tế

Phòng khám ký hợp đồng KCB BHYT với cơ quan Bảo hiểm xã hội năm 2023 tại Hợp đồng số 04/HĐKCB-BHYT ngày 30/12/2022 với BHXH huyện Thạch Thành. Nội dung hợp đồng thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 17, Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

3.2. Phân tích, đánh giá chi phí khám chữa bệnh BHYT

- Số liệu khám chữa bệnh BHYT năm 2023:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	
			Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	So sánh với cùng kỳ năm 2022(%)
1	Tổng số khám BHYT	Lượt	10.896	13.648	125,26%
	Đăng ký KCB ban đầu	Lượt	1.730	2.386	137,92%
	Đa tuyến	Lượt	9.152	11.243	122,85%
2	Tổng số thủ thuật	Lượt	0	1.340	
3	Cấp nghỉ ốm hưởng BHXH	Lượt		1.061	
4	Siêu âm	Lượt	4.970	6.182	124,39%

5	Xquang	Lượt	9.679	11.155	115,25%
6	Tổng số xét nghiệm	Lượt	6.906	8.332	120,65%
	Sinh hóa	Lượt	14.718	26.165	177,78%
	Huyết học	Lượt	7.077	4.874	68,87%
	Nước tiểu	Lượt	6.905	8.329	120,62%
	Vi sinh	Lượt	30	0	0%

Kết quả KCB BHYT năm 2023 tại phòng khám đa số các chỉ số thực hiện năm 2023 đều cao hơn so với năm 2022.

- Cơ cấu chi phí:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023
1	Tổng số lượt bệnh nhân khám bệnh BHYT	Lượt	13.648
2	Tổng chi phí	Đồng	3.788.230.251
3	Cơ cấu chi phí	%	
	- Tiền khám bệnh	%	10,03
	- CDHA, TDCN	%	24,51
	- Xét nghiệm	%	25,98
	- Thuốc, dịch	%	30,42
	- PTTT	%	9,06
4	Bình quân đơn	Đồng	177.567

4. Công tác giám định và thanh quyết toán KCB BHYT

Đoàn thanh tra ghi nhận kết quả giám định, thanh quyết toán KCB BHYT giữa phòng khám và cơ quan BHXH; không thanh tra nội dung này. Kết quả do phòng khám cung cấp cho thấy:

Năm 2023, số tiền đơn vị đề nghị thanh toán BHYT: 3.677.518.114 đồng; số chấp nhận thanh toán sau giám định của BHXH: 3.561.577.959 đồng; số từ chối tại đơn vị: 115.940.155 đồng. Cụ thể số từ chối: Quý 1: 20.884.935 đồng, Quý 2: 23.003.255 đồng, Quý 3: 38.525.705 đồng, Quý 4: 33.526.260 đồng.

Lý do từ chối: tiền khám ngoài phạm vi hoạt động của phòng khám; chỉ định không hợp lý, áp sai giá; thuốc chỉ định không đúng hướng dẫn sử dụng, kê thừa số lượng.

5. Kiểm tra thanh toán chi phí KCB BHYT

5.1. Việc thực hiện biểu mẫu, hồ sơ, chứng từ thanh toán

- Kiểm tra ngẫu nhiên một số chứng từ cho thấy Phòng khám đã lập bảng kê thanh toán chi phí khám chữa bệnh ngoại trú theo Mẫu quy định; các bảng kê đã được ký xác nhận của người lập bảng kê, kế toán viện phí, phân xác nhận của người bệnh đã được ký. Các bảng kê, chứng từ được lưu giữ, bố trí sắp xếp chứng từ tương đối khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra. Phòng khám đã lập và lưu trữ các sổ như sổ thủ thuật, sổ xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh in từ phần mềm KCB của đơn vị.

- Phòng khám đã lập hồ sơ bệnh án điều trị ngoại trú cho các trường bệnh nhân Tiểu đường, Tăng huyết áp, bệnh lý Răng hàm mặt cần điều trị nhiều lần.
- Các Biểu mẫu, hồ sơ cơ bản lập đúng theo quy định.

Tồn tại:

- Hồ sơ bệnh án ngoại trú và các giấy tờ có liên quan ghi tên cơ quan chủ quản là “Sở Y tế Thanh Hóa” là không đúng quy định tại Mục V Phần 1 Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Sổ chuyển tuyến không có thông tin chẩn đoán bệnh, nơi chuyển bệnh nhân đến. Sổ xét nghiệm thiếu trường thông tin ngày, giờ thực hiện xét nghiệm. Sổ theo dõi bệnh nhân khám bệnh ghi không đủ các bệnh theo Bảng kê thanh toán chi phí KCB BHYT như: Bệnh nhân Nguyễn Xuân San trong sổ theo dõi khám bệnh ghi 1 bệnh nhưng trên bảng kê số 2300001769 có 07 bệnh; Bệnh nhân Phạm Thị Lan trong sổ khám bệnh ghi có 01 bệnh nhưng Bảng kê số 2300001770 có 04 bệnh.

- Hướng dẫn sử dụng thuốc trên đơn thuốc ngoại trú và tờ điều trị trong bệnh án ngoại trú ghi S-C chưa đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.

- Hồ sơ bệnh án ngoại trú phần hành chính thiếu thông tin người cần báo tin và số điện thoại liên lạc.

5.2. Việc chỉ định và thanh toán DVKT

- Phòng khám thực hiện việc áp giá dịch vụ kỹ thuật khám chữa bệnh cho bệnh nhân BHYT theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT và Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng, thuốc cơ bản phù hợp với chẩn đoán bệnh.

Tồn tại:

- Bảng kê chi phí khám bệnh BHYT nhiều mã bệnh như: Bảng kê số 2300002557 bệnh nhân sinh năm 1970 có tới 06 mã bệnh gồm: K52(Viêm đại tràng không xác định/ K77(Rối loạn chức năng gan/ N39(Nhiễm khuẩn hệ tiết niệu/R39 (Ure máu cao ngoài thận)/N30 (Viêm bàng quang)/F48 (Bệnh suy nhược thần kinh); Bảng kê số 230000 bệnh nhân sinh năm 1985 có tới 06 mã bệnh gồm: K29 (Viêm dạ dày tá tràng)/J03 (Viêm Amydan cấp)/K77 (Rối loạn chức năng gan)/N39 (Nhiễm khuẩn tiết niệu)/ R50 (Sốt)/ K21 (Bệnh trào ngược dạ dày thực quản).

- Chỉ định xét nghiệm chưa phù hợp với mã chẩn đoán bệnh tương ứng như: đo hoạt độ Amylase tại bảng kê 2300002517 chẩn đoán Thoái hóa cột sống/viêm dạ dày và tá tràng/Nhiễm khuẩn tiết niệu/bệnh trào ngược thực quản/đau dây thần kinh tọa; Bảng kê số 2300002548 chẩn đoán Tiêu chảy/tăng men gan/nhiễm khuẩn tiết niệu/chán ăn...

- Chỉ định thuốc chưa đúng tờ hướng dẫn của nhà sản xuất như: Thuốc Medsolu 4mg: Bảng kê số 2300002525 chẩn đoán tổn thương nông của da đầu/

chấn động vai và cánh tay; Bảng kê số 2300002526 chẩn đoán đưng giập tại đầu gối; Bảng kê số 2300002523 chẩn đoán đưng giập tại cổ chân...

- Từ ngày 05/6/2023 đến ngày 08/9/2023, có 855 lượt khám bệnh nhân dưới 16 tuổi, trong đó khám ngoại là 396 lượt, khám nội là 459 lượt. Tổng chi phí KCB BHYT của 459 lượt khám nội là 105.982.965 đồng (*phụ lục chi tiết kèm theo*).

5.3. Xác minh người bệnh khám chữa bệnh BHYT tại phòng khám

Trên cơ sở Bảng kê chi phí khám bệnh BHYT của các bệnh nhân do Phòng khám cung cấp, Đoàn xác minh ngẫu nhiên 02 trường hợp đến khám chữa bệnh nhiều lần: gồm bệnh nhân có số thẻ BHYT là HC 4383811038363 có các Bảng kê chi phí khám bệnh BHYT tại phòng khám các ngày 10/01, 05/02, 02/3, 18/4, 02/6, 22/7, 19/5, 16/11 và bệnh nhân có mã số thẻ BHYT là DN 4382704006446 có các Bảng kê chi phí khám bệnh tại phòng khám với các ngày 14/02, 01/3, 27/3, 17/4, 09/5, 12/6, 05/7, 09/8, 05/9, 04/10. Kết quả các bệnh nhân đều xác nhận các ngày trên có khám bệnh, được làm kỹ thuật cận lâm sàng, cấp thuốc tại phòng khám. Tuy nhiên, một số bảng kê đang để người khác ký hộ phần xác nhận của người bệnh.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phòng khám có hồ sơ pháp lý đầy đủ như Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; hợp đồng xử lý rác thải y tế; Giấy phép an toàn bức xạ; hồ sơ phòng cháy, chữa cháy. Điều kiện cơ sở vật chất đã bố trí các phòng khám, bộ phận phù hợp với phạm vi chuyên môn được phê duyệt; các trang thiết bị y tế có hợp đồng mua bán, có đầy đủ giấy chứng nhận CO, CQ; nhân lực làm chuyên môn đều có chứng chỉ hành nghề. Hàng năm, Sở Y tế phối hợp cơ quan BHXH đã thẩm định, kết quả Phòng khám đạt điều kiện để ký hợp đồng KCB BHYT.

Bên cạnh những ưu điểm, phòng khám còn tồn tại hạn chế chủ yếu như sau:

- Cơ sở vật chất cũ, chưa gọn gàng ngăn nắp. Bề mặt tường phòng xét nghiệm chưa sử dụng vật liệu không thấm nước đến sát trần nhà theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 53 Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

- Phần mềm KCB BHYT tại Phòng khám chưa thực hiện được việc sử dụng bằng CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID để thực hiện KCB BHYT.

- Phòng khám chưa thực hiện kiểm nhập thuốc; chưa mở sổ theo dõi nhập - xuất, tồn HCN; chưa có nhiệt kế, ẩm kế tự ghi để theo dõi nhiệt độ và độ ẩm tại nơi bảo quản. Chưa có khu vực tiêng để bảo quản VTYT. Tại kho thuốc BHYT chưa ban hành nội quy kho; chưa có bảng biển phân loại thuốc theo nhóm tác dụng dược lý.

- Kiểm tra ngẫu nhiên số lượng tồn một số thuốc, số liệu thuốc tồn kho thực tế và trên hệ thống phần mềm quản lý chưa khớp nhau.

- Chưa thực hiện thực hành tốt bảo quản thuốc theo quy định tại Thông tư 36/2019/TT-BYT.

- Qua các kỳ giám định chi phí KCB BHYT năm 2023, cơ quan BHXH đã từ chối tại đơn vị số tiền 115.940.155 đồng với các lý do: tiền khám ngoài phạm



vi hoạt động của phòng khám; chỉ định không hợp lý, áp sai giá; thuốc chỉ định không đúng hướng dẫn sử dụng, kê thừa số lượng...

- Hồ sơ bệnh án ngoại trú và các giấy tờ có liên quan ghi tên cơ quan chủ quản là “Sở Y tế Thanh Hóa” là không đúng quy định tại Mục V Phần 1 Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Sở chuyển tuyến, sổ xét nghiệm thiếu trường thông tin, sổ theo dõi bệnh nhân khám bệnh ghi không đủ các bệnh theo bảng kê thanh toán chi phí KCB BHYT. Hồ sơ bệnh án ngoại trú phần hành chính thiếu thông tin người cần báo tin và số điện thoại liên lạc.

- Hướng dẫn sử dụng thuốc trên đơn thuốc ngoại trú và tờ điều trị trong bệnh án ngoại trú ghi thời gian dùng chưa đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.

- Một số Bảng kê chi phí khám bệnh BHYT chỉ định xét nghiệm chưa phù hợp với mã chẩn đoán bệnh tương ứng như: đo hoạt độ Amylase tại bảng kê 2300002517, Bảng kê số 2300002548; Chỉ định thuốc Medsolu 4mg chưa đúng tờ hướng dẫn của nhà sản xuất như bảng kê số 2300002525, 2300002523.

- Trong giai đoạn từ ngày 05/6/2023 đến ngày 08/9/2023, Sở Y tế thu hồi phạm vi hoạt động chuyên khoa Nhi, tại Phòng khám có 459 lượt thanh toán chi phí khám nội cho đối tượng dưới 16 tuổi, với tổng chi phí KCB BHYT là 105.982.965 đồng.

- Kiểm tra ngẫu nhiên, có bảng kê chi phí khám bệnh BHYT đang để người khác ký hộ phần xác nhận của người bệnh.

2. Nguyên nhân, trách nhiệm

- Phòng khám chưa tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh. Trách nhiệm thuộc chủ cơ sở.

- Chưa thực hiện tốt quy chế chuyên môn, quản lý thuốc, VTYT, sai sót trong thanh toán KCB BHYT. Trách nhiệm thuộc về người phụ trách chuyên môn và các bộ phận chuyên môn của phòng khám.

- Ngày 05/6/2023, Sở Y tế ban hành Quyết định số 338/QĐ-SYT thu hồi phạm vi hoạt động chuyên môn chuyên khoa Nhi. Nguyên nhân do cơ sở đề nghị, tuy nhiên kiểm tra cho thấy tại phòng khám vẫn có nhân lực đủ điều kiện phụ trách bộ phận chuyên khoa Nhi. Trách nhiệm thuộc về chủ cơ sở, người phụ trách chuyên môn của cơ sở.

3. Kiến nghị các biện pháp xử lý

3.1. Sở Y tế

- Chỉ đạo Phòng chuyên môn tăng cường tập huấn, hướng dẫn và phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về KCB như Nghị định 96/2023/NĐ-CP, Thông tư 32/2023/TT-BYT... cho các cơ sở KCB.

- Rà soát điều kiện hoạt động, người hành nghề của các cơ sở KCB; tăng cường giám sát, hướng dẫn để các cơ sở khám chữa bệnh đặc biệt các PKĐK có

khám chữa bệnh BHYT thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, phạm vi hành nghề của người hành nghề.

3.2. Cơ quan BHXH tỉnh

Đề nghị cơ quan BHXH rà soát, từ chối chi phí đề nghị thanh toán KCB BHYT của 459 lượt khám nội cho đối tượng dưới 16 tuổi trong giai đoạn từ ngày 05/6/2023 đến ngày 08/9/2023 do Sở Y tế đã thu hồi phạm vi hoạt động chuyên khoa Nhi tại phòng khám.

3.3. Phòng khám đa khoa 115 Hà Nội

- Nghiêm túc khắc phục những tồn tại đã nêu trong Kết luận thanh tra;
- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất như các phòng khám, kho thuốc, khu vực bảo quản VTYT, phòng xét nghiệm... để phục vụ khám chữa bệnh;
- Thực hiện và chấp hành nghiêm quy chế chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh, quy trình chuyên môn trong quản lý thuốc, VTYT, HCXN, thực hành tốt bảo quản thuốc theo quy định tại Thông tư 36/2019/TT-BYT; chỉ định xét nghiệm và chỉ định sử dụng thuốc đảm bảo chất lượng, hiệu quả đảm bảo quyền lợi người bệnh có thẻ BHYT và an toàn Quỹ BHYT.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh BHYT tại PKĐK 115 Hà Nội; giao PKĐK 115 Hà Nội công khai Kết luận thanh tra theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47, Thông tư số 06/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ; báo cáo Kết quả thực hiện các kiến nghị trong Kết luận thanh tra về Thanh tra Sở Y tế trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- BHXH tỉnh;
- Các PGĐ Sở;
- Phòng QLHNYDTN; NVY, NVD;
- Lưu: TTr, Hồ sơ.

CHÁNH THANH TRA



Lê Hồng Quang